BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2017*

VĂN PHÒNG ĐOÀN TĐ-TỈNH...
ĐẾN Số: 3840
Ngày: 13/11/17
Chuyển: LĐVP
KT1
lg/

THÔNG TƯ

Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 565/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ trực tiếp ngân sách) để thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình); trừ các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thoả thuận về nội dung và mức chi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

1. Ngân sách trung ương

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, cơ quan trung ương) để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình;

b) Bổ sung có mục tiêu cho tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và để triển khai các Dự án của Chương trình. Đối với các địa phương tự cân đối ngân sách; ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện một số nội dung gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu, thí điểm mô hình, đào tạo và nâng cao năng lực.

2. Ngân sách địa phương

a) Đảm bảo nguồn lực từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định tại Quyết định số 565/QĐ-TTg;

b) Chủ động bố trí ngân sách địa phương để cùng với ngân sách trung ương hỗ trợ triển khai có hiệu quả các Dự án của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 565/QĐ-TTg.

Điều 4. Nội dung và mức chi chung của các Dự án

1. Chi thông tin, tuyên truyền về phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế, phòng ngừa mại dâm, cai nghiện ma túy, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới

a) Phạm vi thông tin, tuyên truyền theo Quyết định số 565/QĐ-TTg. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Nội dung và mức chi

- Chi sản xuất, biên tập, đưa nội dung các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, đài truyền hình, báo, tạp chí); mua, xây dựng, nhân bản và phát hành các ấn phẩm, tài liệu truyền thông: Mức chi theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí và theo thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong phạm vi dự toán được giao;

- Chi thiết kế, xây dựng, mua mới, sửa chữa nội dung tranh, pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử: Mức chi theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi truyền thanh tại cộng đồng:

+ Hỗ trợ biên tập tài liệu phát thanh: 80.000 đồng/bài từ 350 từ đến dưới 600 từ, 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên;

+ Bồi dưỡng phát thanh: 15.000 đồng/lần, trường hợp phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần;

- Chi bồi dưỡng người trực tiếp tham gia đợt tuyên truyền lưu động (ngoài mức bồi dưỡng bố trí trong dự toán chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11 tháng 03 năm 2016 của Bộ

Tài chính, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện): 75.000 đồng/người/ngày khi tuyên truyền tại các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, 50.000 đồng/người/ngày khi tuyên truyền tại các xã, phường, thị trấn thuộc vùng còn lại.

2. Chi xây dựng, duy trì, vận hành, quản lý hệ thống, cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

a) Phạm vi xây dựng, duy trì, vận hành, quản lý hệ thống, cập nhật cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 565/QĐ-TTg;

b) Nội dung và mức chi

- Chi tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

- Chi mua sắm, xây dựng các phần mềm; thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì và lưu trữ bài giảng trên mạng internet: Thực hiện theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Chi khảo sát, điều tra thống kê phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

4. Chi dịch thuật

a) Chi dịch nói từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2010/TT-BTC);

b) Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: Mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

c) Chi dịch và hiệu đính tài liệu: Mức chi theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

d) Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác dịch và hiệu đính tài liệu thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi thuê ngoài quy định tại Điểm a, b và Điểm c Khoản này.

5. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn

a) Đối tượng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn theo Quyết định số 565/QĐ-TTg;

b) Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC);

Ngoài các nội dung chi nêu trên, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp dào tạo, bồi dưỡng được sử dụng kinh phí của Chương trình để hỗ trợ đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước một số nội dung chi sau:

- Chi phí đi lại từ nơi cư trú đến nơi học tập (một lượt đi và về);

- Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trường hợp cơ sở đào tạo không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho học viên mà phải đi thuê);

Mức chi tối đa theo quy định tại Điều 5, Điều 7 và Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC). Trường hợp người học tự túc phương tiện đi lại thì được hỗ trợ tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm học.

6. Chi xây dựng, biên soạn tài liệu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng bài giảng điện tử phục vụ đào tạo về tư vấn, điều trị, cai nghiện trực tuyến:

a) Chi xây dựng, biên soạn tài liệu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm c và d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 123/2009/TT-BTC);

b) Xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ: Thực hiện theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ;

c) Xây dựng bài giảng điện tử phục vụ đào tạo về tư vấn, điều trị, cai nghiện trực tuyến: Mức chi tối đa 5 triệu đồng/bài giảng.

7. Chi tổ chức các buổi tư vấn, nói chuyện chuyên đề

a) Chi thuê chuyên gia tư vấn, nói chuyện chuyên đề: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC;

b) Chi thuê địa điểm, bàn ghế, loa đài và các trang thiết bị cần thiết khác (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh và phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

c) Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

d) Chi tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn, nói chuyện chuyên đề: Mức chi theo thực tế phát sinh.

8. Chi hỗ trợ đối tượng trong thời gian lưu trú, tạm lánh tại các địa điểm tạm lánh

a) Lập hồ sơ đối tượng: 45.000 đồng/hồ sơ (bao gồm cả ảnh);

b) Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc tại địa điểm tạm lánh: 70.000 đồng/người/ngày;

c) Hỗ trợ cho cán bộ cơ sở được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho đối tượng: 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng tối đa 600.000 đồng/cán bộ/tháng;

d) Mua tài liệu hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc đối tượng: Tối đa 500.000 đồng/đối tượng hoặc nhóm đối tượng (trong trường hợp có nhiều đối tượng cùng nhóm trợ giúp);

đ) Mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Tối đa 700.000 đồng/đối tượng;

e) Chi phí khám, mua thuốc để chữa bệnh thông thường trong thời gian lưu trú tại địa điểm tạm lánh: Mức hỗ trợ do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao dự toán quyết định phù hợp với tình hình thực tế;

g) Chi phí đưa đối tượng lên tuyến trên đối với trường hợp phải can thiệp, trợ giúp vượt khả năng của cộng đồng, về cơ sở trợ giúp xã hội, về gia đình hoặc đến trung tâm trợ giúp pháp lý

- Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng trong thời gian trên đường: Mức hỗ trợ 70.000 đồng/đối tượng/ngày, không quá 03 ngày;

- Hỗ trợ tiền tàu xe cho đối tượng hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê;

- Chi hỗ trợ cán bộ đi kèm (ngoài tiền công tác phí hiện hành): 70.000 đồng/người/ngày.

9. Chi kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về, hỗ trợ kỹ thuật về thực hiện quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, chuyên đề về trẻ em; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước về phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, bình đẳng giới, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện các mô hình

thí điểm, tình hình thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Chương II, Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

10. Chi hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế, bình đẳng giới, tổ chức các chương trình kết nối giới thiệu việc làm cho người nghiện ma túy, người sau cai nghiện: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3, Điều 4 Thông tư số 01/2010/TT-BTC và Chương II, Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

11. Chi nghiên cứu xây dựng các mô hình thí điểm; nghiên cứu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển nghề công tác xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng; củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới; nghiên cứu, xây dựng cơ chế vận hành kỹ thuật mới đối với các loại hình cơ sở cai nghiện ma túy, điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy; nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lý của từng nhóm người nghiện ma túy ở Việt Nam, nghiên cứu lồng ghép hoạt động phòng chống mại dâm với chương trình phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng, chuẩn hóa hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị không sử dụng kinh phí của Chương trình để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

12. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và phổ biến pháp luật về lĩnh vực trợ giúp xã hội cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA TỪNG DỰ ÁN
Mục 1
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG YẾU THẾ

Điều 5. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội

1. Danh mục trang thiết bị theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với quy mô của cơ sở trợ giúp xã hội. Tùy theo yêu cầu, điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo phân cấp của địa phương, Bộ, ngành phê duyệt Dự án sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội để đáp ứng đủ tiêu chuẩn chăm sóc do Nhà nước quy định, đảm bảo có các phân khu chức năng, hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, trị liệu và cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

2. Mức hỗ trợ cụ thể theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với dự toán được giao, trong đó ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang thiết bị vận chuyển đối tượng, sơ cấp cứu, sinh hoạt và phục hồi chức năng cho đối tượng.

Điều 6. Chi hỗ trợ xây dựng, vận hành các mô hình trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trung tâm công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp; cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí vận hành mô hình trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Ngoài ra, kinh phí từ Chương trình hỗ trợ một số nội dung, mức chi sau:

a) Mô hình cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí: Hỗ trợ tối đa 30 tỷ đồng/cơ sở đối với Dự án sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, nâng công suất cung cấp dịch vụ; 20 tỷ đồng/cơ sở đối với Dự án mua sắm trang thiết bị chuyên môn và đồ dùng ban đầu cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí xây dựng mới đã hoàn thành;

b) Mô hình trung tâm công tác xã hội: Hỗ trợ trang thiết bị ban đầu cho trung tâm xây dựng mới với mức tối đa 10 tỷ đồng/trung tâm; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các phòng và mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ chuyển đổi cơ sở bảo trợ xã hội thành trung tâm công tác xã hội với mức tối đa 15 tỷ đồng/trung tâm.

2. Chi hỗ trợ thí điểm mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn

a) Hỗ trợ cho gia đình, cá nhân nhận nuôi đối tượng bảo trợ xã hội:

- Trợ cấp hàng tháng và các chế độ trợ giúp khác theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Khoản 3, Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Hỗ trợ một lần để mua sắm đồ dùng cá nhân cho đối tượng: Mức tối đa 700.000 đồng/đối tượng;

b) Hỗ trợ cho cơ sở bảo trợ xã hội trực tiếp đưa đối tượng bảo trợ xã hội về cộng đồng để gia đình, cá nhân nuôi dưỡng (không bao gồm đối tượng tạm lánh tại cơ sở đã được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này):

- Chi phí đưa đối tượng về nơi cư trú: Mức chi theo quy định tại Điểm g Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

- Chi phí thông tin liên lạc với gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng đối tượng: Tối đa 200.000 đồng/đối tượng;

- Chi hướng dẫn gia đình cách chăm sóc đối tượng: 500.000 đồng/đối tượng.

3. Chi hỗ trợ mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

a) Nội dung, hình thức, quy trình triển khai thực hiện mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Căn cứ vào mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; cơ quan, đơn vị theo phân cấp của địa phương, Bộ, cơ quan trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn mô hình để áp dụng thí điểm, bảo đảm phù hợp với đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

c) Nội dung và mức chi xây dựng và triển khai thực hiện mô hình:

- Chi hỗ trợ đào tạo sơ cấp, dưới 03 tháng cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn và chi phí đi lại theo mức quy định đối với lao động thuộc hộ nghèo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (sau đây viết tắt là Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg). Riêng đối với trẻ em khuyết tật được hỗ trợ chi phí đào tạo theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg;

- Chi khảo sát, xác định lựa chọn đối tượng bảo trợ xã hội có nhu cầu và khả năng để tham gia học nghề; đánh giá, tổng kết mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

4. Chi xây dựng mô hình ngôi nhà tạm lánh

a) Nội dung, hình thức, quy trình triển khai thực hiện mô hình ngôi nhà tạm lánh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Căn cứ vào mô hình ngôi nhà tạm lánh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, tùy theo điều kiện, yêu cầu cụ thể và khả năng ngân sách; cơ quan, đơn vị theo phân cấp của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chủ trì,

phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Dự án xây dựng mới ngôi nhà tạm lánh hoặc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị của cơ sở đã có được sử dụng làm ngôi nhà tạm lánh để tiếp nhận, chăm sóc các đối tượng yếu thế;

c) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên của ngôi nhà tạm lánh theo phân cấp ngân sách của Luật ngân sách nhà nước. Ngoài ra, kinh phí từ Chương trình hỗ trợ một số nội dung, mức chi cho đối tượng theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Chi hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện chương trình, giáo trình và đào tạo dài hạn về trợ giúp xã hội và nghề công tác xã hội

1. Chi hỗ trợ cơ sở đào tạo xây dựng, hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề công tác xã hội bảo đảm liên thông với đào tạo đại học nghề công tác xã hội; xây dựng, hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ về công tác xã hội: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC.

2. Chi hỗ trợ đào tạo hệ vừa làm, vừa học cho cán bộ, công chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

Mục 2
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM

Điều 8. Chi hỗ trợ Trung tâm công tác xã hội trẻ em hoặc hợp phần trẻ em trong Trung tâm công tác xã hội, Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện hoặc Văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cần thiết để cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Mức hỗ trợ:

a) Trung tâm công tác xã hội trẻ em hoặc hợp phần trẻ em trong Trung tâm công tác xã hội: Mức hỗ trợ theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 1,3 tỷ đồng/trung tâm;

b) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện hoặc Văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện: Mức hỗ trợ theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở, văn phòng.

Điều 9. Chi hỗ trợ Tổng đài điện thoại quốc gia

1. Chi nâng cấp, mua sắm trang thiết bị Tổng đài điện thoại quốc gia, bao gồm nâng cấp, mua sắm trang thiết bị đường dây tư vấn hỗ trợ trẻ em tại trung ương; mua sắm trang thiết bị 02 nhánh trung tâm vùng đặt tại miền Trung và miền Nam: Mức hỗ trợ theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với dự toán được giao.

2. Chi hỗ trợ hoạt động của nhánh trung tâm vùng Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em

a) Nội dung chi:

- Chi trả cước phí điện thoại, internet;

- Chi phí bảo trì tổng đài, các chi phí khác của tổng đài;

- Chi thuê nhân viên, cố vấn, cộng tác viên Tổng đài, giám sát chất lượng tư vấn, cộng tác viên trực Tổng đài;

- Chi tập huấn nghiệp vụ tư vấn, hỗ trợ cho nhân viên tư vấn của Tổng dài;

- Chi truyền thông về Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em;

b) Mức chi theo thực tế phát sinh và quy định hiện hành của Nhà nước đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Riêng chi thuê nhân viên, cộng tác viên và chuyên gia giám sát chuyên môn thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

Điều 10. Chi hỗ trợ hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em; thiết lập mạng lưới kết nối, tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em

1. Chi hỗ trợ trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong thời gian lưu trú tạm thời tại địa điểm lưu trú: Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ người cung cấp thông tin về trẻ em: 60.000 đồng/trẻ em.

3. Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho cộng tác viên để tiếp nhận thông tin, kết nối dịch vụ thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em: 100.000 đồng/người/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho người đưa trẻ em cần bảo vệ khẩn cấp đến trung tâm, cơ sở:

a) Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày, không quá 03 ngày và tối đa 02 người;

b) Hỗ trợ chi phí đi lại (đi và về, tối đa không quá 02 người): Mức chi theo giá phương tiện công cộng áp dụng tại địa phương hoặc 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm đi (trong trường hợp tự túc phương tiện).

Điều 11. Chi xây dựng, triển khai mô hình hỗ trợ can thiệp, trợ giúp trẻ em

1. Các loại mô hình hỗ trợ can thiệp, trợ giúp trẻ em

a) Mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

b) Mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và dịch vụ xã hội cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

c) Mô hình thí điểm chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Hình thức thực hiện

a) Tiêu chí, điều kiện lựa chọn danh sách các xã, huyện tham gia thực hiện mô hình; mục tiêu và hoạt động cụ thể của từng loại mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí xây dựng mô hình trong dự toán chi của các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì thực hiện mô hình và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai mô hình. Kinh phí nhân rộng mô hình do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Căn cứ vào nội dung hoạt động của từng mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với mô hình thực hiện tại trung ương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng mô hình thực hiện tại địa phương theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Sở Tài chính theo phân cấp của địa phương).

Điều 12. Chi hỗ trợ thu thập, cập nhật dữ liệu trẻ em vào phần mềm quản lý đối tượng trẻ em

1. Hỗ trợ 01 cán bộ cấp xã đi thu thập, cập nhật dữ liệu: 180.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, 120.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn thuộc các vùng còn lại.

2. Cán bộ cấp huyện đi kiểm tra công tác thu thập, cập nhật dữ liệu: 300.000 đồng/quận, huyện/quý. Số lượng cán bộ đi kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao dự toán quyết định.

3. Cán bộ đã được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì không được hỗ trợ kinh phí kiểm tra, giám sát, thu thập, cập nhật số liệu từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, Thông tư số 40/2017/TT-BTC và ngược lại.

Mục 3
DỰ ÁN HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Điều 13. Chi hỗ trợ đối tượng và người cung cấp thông tin về đối tượng

1. Chi tiếp nhận và hỗ trợ cho đối tượng khi lưu trú tại trung tâm công tác xã hội; cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ cho người cung cấp thông tin đối tượng: 60.000 đồng/đối tượng.

Điều 14. Hỗ trợ thực hiện cung cấp dịch vụ bình đẳng giới tại Trung tâm công tác xã hội

1. Chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị cần thiết phục vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới tại Trung tâm công tác xã hội (bao gồm cả đường dây nóng) để đạt chuẩn về cung cấp dịch vụ bình đẳng giới theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Mức chi theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 1,5 tỷ đồng/trung tâm.

2. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên của Trung tâm công tác xã hội theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 15. Hỗ trợ xây dựng và thí điểm mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

1. Chi hỗ trợ sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cần thiết để cung cấp dịch vụ: Mức chi theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 02 tỷ đồng/cơ sở.

2. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của mô hình trong thời gian thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ: Mức hỗ trợ tối đa 800 triệu đồng/cơ sở/năm để thực hiện các hoạt động tiếp nhận, hỗ trợ đối tượng khi lưu trú tại cơ sở; giám sát, thu thập dữ liệu đối tượng; tham vấn, tư vấn tâm lý cho đối tượng và các hoạt động cần thiết khác.

Điều 16. Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng

1. Chi hỗ trợ một lần để mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ: Tối đa 40 triệu đồng/địa chỉ, nhà tạm lánh.

2. Chi hỗ trợ kinh phí vận hành trong thời gian hoạt động thí điểm:

a) Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho người được giao trực đường dây nóng để kịp thời hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực: Tối đa 200.000 đồng/tháng, không quá 02 người;

b) Chi hỗ trợ chi phí điện, nước: Tối đa 100.000 đồng/tháng.

Điều 17. Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình thành phố an toàn và trường học an toàn

1. Chi xây dựng tiêu chuẩn "Thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái"

a) Chi khảo sát, đánh giá mức độ an toàn: Mức chi theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

b) Chi xây dựng báo cáo rà soát mức độ an toàn để đề xuất kế hoạch ứng phó: Mức chi 06 triệu đồng/báo cáo.

2. Chi hỗ trợ xây dựng, vận hành mô hình "Trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực" trong thời gian thực hiện thí điểm

a) Chi hỗ trợ một lần mua sắm trang thiết bị cần thiết theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho "Phòng tư vấn" tại trường học được lựa chọn triển khai mô hình (loa, đài, máy tính, bàn, ghế, máy chiếu, tủ sách, sách và các thiết bị cần thiết khác): Tối đa 50 triệu đồng/trường;

b) Chi đào tạo, nâng cao kỹ năng cho giáo viên, người học; cung cấp thông tin cho phụ huynh về biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực tại trường học thông qua các kênh thông tin, truyền thông: Mức chi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 4 Thông tư này;

c) Chi thiết lập các dịch vụ hỗ trợ về phòng chống bạo lực, lồng ghép nội dung về phòng chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa

- Chi hỗ trợ soạn bài giảng về phòng chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa của trường: 80.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

- Chi tổ chức các buổi tư vấn, nói chuyện chuyên đề về phòng chống bạo lực cho học sinh, sinh viên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

Điều 18. Chi hỗ trợ dịch vụ đường dây nóng về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

1. Chi hỗ trợ một lần để mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ (bàn, ghế, hệ thống cách âm, hệ thống điện thoại có gắn với hệ thống máy tính có lưu thông tin, đếm cuộc, phân loại, kết nối trực tiếp giữa đối tượng với các bộ phận tư vấn, hỗ trợ khẩn cấp, giữa đường dây nóng với địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng và cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; các trang thiết bị cần thiết khác): Tối đa 300 triệu đồng/đường dây nóng.

2. Chi hỗ trợ kinh phí vận hành trong thời gian thực hiện thí điểm (phí duy trì đường dây nóng; đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên tư vấn tại chỗ, nhân viên trực tổng đài; truyền thông về đường dây nóng qua các phương tiện thông tin đại chúng; các khoản chi cần thiết khác): Tối đa 200 triệu đồng/đường dây nóng/năm.

Điều 19. Chi hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất và kinh doanh

1. Chi tập huấn kỹ năng khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho phụ nữ có nhu cầu thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ: Mức chi theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ sửa chữa, mua sắm trang thiết bị một lần cho trung tâm công tác xã hội hoặc trung tâm dịch vụ việc làm công lập được lựa chọn để hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm: Mức chi theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 100 triệu đồng/trung tâm.

Điều 20. Chi hỗ trợ hoạt động của các mô hình, câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ trong thời gian thực hiện thí điểm

1. Chi hỗ trợ hoạt động của mô hình "Câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài và giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn": Tối đa 30 triệu đồng/câu lạc bộ/năm.

2. Chi hỗ trợ sinh hoạt "Câu lạc bộ nữ doanh nhân" (nước uống, thuê địa điểm, phương tiện, tài liệu và các khoản chi cần thiết khác): Tối đa 30 triệu đồng/câu lạc bộ/năm.

3. Chi thí điểm mô hình "Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ" tại khu công nghiệp, khu chế xuất

a) Chi mua sắm, bổ sung trang thiết bị một lần cho câu lạc bộ (loa đài, bàn ghế, tủ sách, sách và các khoản chi cần thiết khác): Tối đa 30 triệu đồng/câu lạc bộ;

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt câu lạc bộ (nước uống, thuê địa điểm, tài liệu và các khoản chi cần thiết khác): Tối đa 30 triệu đồng/câu lạc bộ/năm.

Mục 4

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY, NGƯỜI BÁN DÂM VÀ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN

Điều 21. Chi hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy

1. Chi tổ chức triển khai thí điểm dạy nghề cho người nghiện ma túy: Nội dung chi, mức chi theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

2. Chi thí điểm các mô hình cai nghiện có hiệu quả trên thế giới; mô hình cai nghiện phục hồi phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng vùng, miền

a) Khung định mức kinh tế - kỹ thuật các mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Căn cứ khung định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng mô hình thực hiện tại địa phương theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Sở Tài chính theo phân cấp của địa phương), tối đa 50 triệu đồng/mô hình/năm.

3. Chi hỗ trợ sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho các cơ sở cai nghiện ma túy bị xuống cấp; cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện chuyển đổi theo Nghị quyết 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới để đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều trị nghiện do Nhà nước quy định

a) Danh mục trang thiết bị của cơ sở cai nghiện thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tùy theo yêu cầu, điều kiện cụ thể và khả năng của ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo phân cấp của địa phương phê duyệt Dự án sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho các cơ sở cai nghiện để đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều trị nghiện;

b) Mức hỗ trợ cụ thể theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 2 tỷ đồng/cơ sở.

4. Chi xây dựng cơ chế vận hành kỹ thuật mới đối với các mô hình chuyển đổi cơ sở cai nghiện bắt buộc thành cơ sở cai nghiện tự nguyện; cơ sở đa chức năng

a) Trường hợp cơ sở cai nghiện bắt buộc chuyển đổi hoàn toàn thành cơ sở điều trị nghiện tự nguyện: Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mua sắm trang thiết bị ban đầu cho cơ sở mức tối đa là 03 tỷ đồng/cơ sở;

b) Trường hợp cơ sở cai nghiện bắt buộc chuyển đổi thành cơ sở đa chức năng (phân khu theo các khu cai nghiện bắt buộc, cai nghiện tự nguyện, cơ sở xã hội, cơ sở điều trị nghiện bằng thuốc thay thế, điểm vệ tinh của cơ sở cai nghiện): Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mua sắm trang thiết bị ban đầu bao gồm thiết bị y tế và các phương tiện phục vụ cho cai nghiện tại các phân khu mức tối đa 02 tỷ đồng/khu.

5. Chi hỗ trợ Điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy

a) Nội dung hỗ trợ: Sửa chữa, cải tạo, mua sắm trang thiết bị chuyên môn, đồ dùng cần thiết phục vụ hoạt động của Điểm tư vấn;

b) Mức hỗ trợ theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 03 tỷ đồng/Điểm tư vấn.

Điều 22. Chi hỗ trợ hoạt động phòng, chống mại dâm

1. Chi tổ chức thảo luận nhóm, tư vấn hỗ trợ người bán dâm: Mức chi theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ xây dựng thí điểm các mô hình

a) Mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, Trung tâm công tác xã hội: Tối đa 350 triệu đồng/mô hình/năm để sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cung cấp dịch vụ, hỗ trợ chi phí hoạt động của mô hình trong thời gian thí điểm;

b) Mô hình hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm; Mô hình hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực, câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới: Tối đa 250 triệu đồng/mô hình/năm để hỗ trợ thù lao, chi phí đi lại hàng tháng cho thành viên ban chủ nhiệm, tuyên truyền viên, cộng tác viên, tình nguyện viên; chi phí sinh hoạt định kỳ, thuê địa điểm sinh hoạt nhóm và các khoản chi cần thiết khác trong thời gian thực hiện thí điểm;

c) Khung định mức kinh tế - kỹ thuật các mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Căn cứ khung định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này, Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với mô hình thực hiện tại trung ương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng mô hình thực hiện

tại địa phương theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Sở Tài chính theo phân cấp của địa phương).

Điều 23. Chi hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

1. Chi xây dựng thí điểm các mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng: Tối đa 350 triệu đồng/cơ sở để sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, hỗ trợ chi phí hoạt động của mô hình trong thời gian thí điểm. Căn cứ khung định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này, Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với mô hình thực hiện tại trung ương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với mô hình thực hiện tại địa phương theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Sở Tài chính theo phân cấp của địa phương).

2. Chi mua sắm đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội: Mức hỗ trợ cụ thể theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở.

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỔ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 24. Lập dự toán hàng năm

Việc lập dự toán ngân sách 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và hàng năm của Chương trình thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn thêm một số điểm như sau:

1. Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chi tiết theo Dự án, lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 7 năm kế hoạch.

2. Căn cứ dự toán chi Chương trình do các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán chi Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 năm kế hoạch.

3. Dự toán kinh phí sự nghiệp gửi cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải kèm thuyết minh nêu rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn và kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình.

Điều 25. Phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng đặt hàng các cơ quan, đơn vị khác thực hiện; chứng từ làm căn cứ

thanh quyết toán lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng tổng hợp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện Hợp đồng lưu giữ.

3. Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

4. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2017.

2. Các quy định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành

a) Các Khoản 1, 2, 3, và 4; Tiết d Điểm 6.2, Điểm 6.3, Điểm 6.5 Khoản 6; Khoản 7 và Khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020;

b) Điểm d Khoản 1; Khoản 2; Điểm d Khoản 3; các Khoản 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 3 Thông tư liên tịch số 115/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020;

c) Các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 3 Thông tư liên tịch số 213/2013/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2020;

d) Thông tư số 181/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

đ) Thông tư số 56/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015;

e) Thông tư số 10/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình hành động phòng chống mại dâm giai đoạn 2011-2015.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các Điều, Khoản, Điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của Chương trình theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- VP Chính phủ, VP Tổng Bí thư;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN, Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc BTC;
- Lưu: VT, HCSN. (450b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà